

Số: /TB-UBND

Đắk Tô, ngày tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Về Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn huyện Đắk Tô năm 2024

Căn cứ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 148/TB-STNMT ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024;

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô thông báo như sau:

1. Các khu vực tổ chức đấu giá trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

Tổng số 4 khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, chưa thăm dò được đưa ra đấu giá gồm: 3 điểm mỏ cát, 01 điểm mỏ đất san lấp (có Phụ lục các khu vực đấu giá kèm theo).

2. Phương pháp tiến hành:

Tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 02 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Thời gian đấu giá:

Quý IV năm 2024, thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau.

* Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá cần biết thêm thông tin về khu vực khoáng sản đấu giá, xin liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường; địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà B, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum, tổ 8, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô Thông báo công khai để tất cả các tổ chức, cá nhân và các đơn vị có liên quan trên địa bàn biết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm VH TTDL và Truyền thông (*đưa tin*);
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- VP. HĐND và UBND huyện (*đăng tin*);
- Lưu: VT, TH, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Quang Hải

**DANH MỤC KHU VỰC KHOÁNG SẢN THUỘC KẾ HOẠCH ĐÁU GIÁ
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

I. Khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (3 khu vực):

STT	Điểm góc	Tọa độ		Hiện trạng	Diện tích khu vực khoáng sản đấu giá (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
		X(m)	Y(m)					
Khu vực số 1	Thôn 1 và 2 xã Diên Bình, huyện Đắk Tô							
	1	1.616.532	540.754	Đất lòng hồ thủy điện Plei Krông	1,25	12.500	Quý IV năm 2024	Số hiệu Quy hoạch: 79
	2	1.616.608	540.787					
	3	1.616.547	540.924					
	4	1.616.470	540.893					
Khu vực số 2	Thôn Kon Pring và thôn Đắk Chờ, xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô							
	1	1.628.034	534.304	Đất mặt nước sông Đắk Tờ Kan (lòng hồ thủy điện Đắk Rơ Sa 2)	0,5	5.000	Quý IV năm 2024	Số hiệu Quy hoạch: 62
	2	1.628.050	534.266					
	3	1.628.039	534.261					
	4	1.628.015	534.237					
	5	1.627.982	534.158					
	6	1.627.954	534.192					
	7	1.627.980	534.236					
	8	1.627.978	534.257					
	9	1.627.990	534.269					
Khu vực số 3	Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô							
	1	1.625.654	535.207	Đất mặt nước sông Đắk Tờ Kan,	0,4	4.000	Quý IV	Số hiệu Quy

2	1.625.617	535.207	vị trí đề xuất đầu giá điểm gần nhất cách cầu treo khoảng hơn 150m về hướng hạ nguồn sông. Hai bên bờ đất ổn định, chưa có dấu hiệu sạt lở...			năm 2024	hoạch: 66
3	1.625.634	535.150					
4	1.625.629	535.124					
5	1.625.606	535.101					
6	1.625.624	535.067					
7	1.625.659	535.090					
8	1.625.651	535.116					
1	1.646.777	522.640					
2	1.646.651	522.603					
3	1.646.563	522.525					
4	1.646.581	522.499					
5	1.646.667	522.564					
6	1.646.781	522.603					

II. Khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường (01 khu vực)

STT	Điểm góc	Tọa độ		Hiện trạng	Diện tích khu vực khoáng sản đầu giá (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
		X(m)	Y(m)					
Khu vực số 1	Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô, huyện Đắk Tô							
	1	1.616.600	534.932	Đất nông nghiệp do người dân đang canh tác nông nghiệp; Hiện trạng: Cao su, cao su mới trồng, sầu riêng mới trồng và mỳ.	4,61	1.097.180	Quý IV năm 2024	Số hiệu Quy hoạch: BS43
	2	1.616.679	534.914					
	3	1.616.783	534.774					
	4	1.616.778	534.706					
	5	1.616.666	534.611					
	6	1.616.560	534.716					

